

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 31-3-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thơm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Hữu Phước.

Ông Đỗ Viết Phúc.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phùng Anh Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Thanh Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2020/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Chu Thị T, sinh năm 1988 (Có mặt);

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Tạm trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

***- Bị đơn:*** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1980 (Vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Tạm trú: Ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Chu Thị T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị T và anh Vũ Văn H tự nguyện tiến đến hôn nhân. Anh chị có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Chị T và anh H chung sống hạnh phúc

đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không biết chăm lo kinh tế gia đình, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà kiếm chuyện chửi bới và đánh chị T. Mâu thuẫn kéo dài đến giữa năm 2020 thì trầm trọng, anh H đánh đập chị T đến mức phải nhập viện. Hai bên không thể hàn gắn tình cảm và đã sống ly thân từ giữa năm 2020 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Cẩm L, sinh ngày 08/7/2007, cháu Vũ Quang P, sinh ngày 22/7/2010 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 27/8/2017. Hiện tại các cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu. Đồng thời yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, chị T không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Vũ Văn H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng anh H không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn anh H vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị T.

+ Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Cẩm L, sinh ngày 08/7/2007, cháu Vũ Quang P, sinh ngày 22/7/2010 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 27/8/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cả 03 con chung, mức cấp dưỡng nuôi mỗi cháu mỗi tháng là 750.000 đồng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Chu Thị T yêu cầu ly hôn với anh Vũ Văn H và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H có nơi cư trú tại ấp B, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Vũ Văn H đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về hôn nhân: Chị T và anh H chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện K, tỉnh Hưng Yên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 30/12/2005 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị T và anh H xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm giữa hai bên nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do, điều đó chứng tỏ anh H không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không còn quan tâm đến hôn nhân giữa anh với chị T.

Thấy rằng, giữa chị T và anh H không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nên cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là cháu Vũ Thị Cẩm L, sinh ngày 08/7/2007, cháu Vũ Quang P, sinh ngày 22/7/2010 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 27/8/2017. Hiện tại các cháu đang sống chung với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 cháu. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh H trong đó có nêu rõ yêu cầu về con chung của chị T, nhưng anh H không thể hiện ý kiến của mình đối với việc nuôi con chung.

Do anh H vắng mặt nên không có sự thỏa thuận với chị T về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử thấy rằng, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo cho sự phát triển bình thường của cháu L, cháu P và cháu H nên cần thiết giao các cháu cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu L, cháu P là muốn sống chung với chị T. Nếu sau này chị T và anh H có tranh chấp về việc nuôi dưỡng con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng là 750.000 đồng. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Do đó, để đảm bảo cho các cháu phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần nên việc buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các điều 81, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình. Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng, theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp

dưỡng. Dựa trên nhu cầu thiết yếu của cháu L, cháu P, cháu H cần buộc anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng 750.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày anh chị không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27; Anh H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 6 Điều 27. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Chu Thị T, chị T được ly hôn với anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Cẩm L, sinh ngày 08/7/2007, cháu Vũ Quang P, sinh ngày 22/7/2010 và cháu Vũ Quang H, sinh ngày 27/8/2017 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

#### **3. Về cấp dưỡng nuôi con:**

Anh Vũ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng nuôi các cháu Vũ Thị Cẩm L, cháu Vũ Quang P và cháu Vũ Quang H. Mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng là 750.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu thực hiện từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L, cháu P, cháu H đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 49574 ngày 30/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã V, huyện K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thơm**